

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

---



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2014 - 2015

Địa chỉ : Phước Lâm, Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa  
Điện thoại : (058) 3620416  
Fax : (058) 3620143  
Website : [www.nhs.com.vn](http://www.nhs.com.vn)  
Email : [duongninhhoa@nhs.com.vn](mailto:duongninhhoa@nhs.com.vn)

*Tháng 10 năm 2015*

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 02/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/04/2015.
- Vốn điều lệ: 607.500.000.000 VND (*Sáu trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*tại thời điểm 30/06/2015*): 607.500.000.000 đồng.
- Địa chỉ: thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: 058.3620416                      Số Fax                      : 058.3620143
- Website: [www.nhs.com.vn](http://www.nhs.com.vn)                      Email: [duongninhhoa@nhs.com.vn](mailto:duongninhhoa@nhs.com.vn)
- Mã cổ phiếu: NHS

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa được chính thức thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Nhà máy Đường Ninh Hòa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200636590 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 03 năm 2006. Với tinh thần không ngừng nỗ lực phấn đấu, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, sự hỗ trợ của các ban, ngành, địa phương và các doanh nghiệp cùng ngành, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa luôn duy trì được sản xuất ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu.

Hiện tại, Công ty đã ổn định công suất chế biến 5.200 TMN và thực hiện sản xuất đường tinh luyện vụ sản xuất 2015-2016, định hướng công suất đến 10.000 TMN vào năm 2020. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 02/07/2010, vốn điều lệ hiện nay 607,5 tỷ đồng.

**Các thành tích nổi bật các năm gần đây:**

<b>Năm</b>	<b>STT</b>	<b>Giải thưởng</b>	<b>Tên đơn vị trao giải thưởng</b>	<b>Ngày</b>
<b>2013</b>	1	Bảng xếp hạng VNR500 – top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2013	Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (VN Report JSC)	Năm 2013
	2	Tặng Bằng khen cho Công ty đã có thành tích chấp hành tốt các chính sách, pháp luật thuế năm 2013	Bộ Tài chính	Quyết định số 1131/QĐ-BTC ngày 17/05/2013
	3	“Doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á” (Công ty vừa và nhỏ), Công ty là 1 trong 12 Công ty Việt Nam đạt danh hiệu này	Tạp chí Forbes	Lễ vinh danh tổ chức ngày 29/10/2013
	4	Tặng Bằng khen cho doanh nghiệp đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2013	Ban chấp hành liên đoàn lao động Khánh Hòa	Quyết định số 06/QĐ-LĐ ngày 07/01/2014
	5	Tặng Bằng khen cho doanh nghiệp đã có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp gia đoạn 2008-2013	Ban chấp hành liên đoàn lao động Khánh Hòa	Quyết định số 149/QĐ-LĐ ngày 09/09/2013
	6	Tặng giấy khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2013	Tổng Cục trưởng Cục thuế	Quyết định số 201/QĐ-TCT ngày 11/03/2014
	7	Chứng nhận doanh nghiệp đạt giải khuyến khích Hội thi an toàn vệ sinh viên giỏi năm 2013	Ban chấp hành liên đoàn lao động Khánh	24/05/2013

			Hòa	
2014	1	Tặng cúp dành cho doanh nghiệp nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế 2014	Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa	
	2	Tặng chứng nhận doanh nghiệp đạt 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam	Báo Nhịp cầu đầu tư	
	3	Tặng giấy khen công đoàn cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn năm 2014	BCH Liên đoàn lao động thị xã Ninh hòa	
	4	Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất	Báo đầu tư và Sở GDCK TP HCM	
	5	Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất	Tạp chí Forbes	
2015	1	“Thương hiệu nổi tiếng trong hội nhập kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương”	Cục xúc tiến thương mại, Thời báo kinh tế Châu Á...	11/05/2015
	2	Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam 2014	Bộ Y tế	23/04/2015
	3	Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam	Báo Nhịp cầu đầu tư	21/6/2015
	4	Top 100 sản phẩm, dịch vụ nổi tiếng Việt Nam 2015	Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam	25/7/2015
	5	Tặng giấy khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2014	Bộ trưởng bộ Tài chính	Quyết định số 890/QĐ-BTC ngày 15/05/2015
	6	Doanh nghiệp có đóng góp xuất sắc trong xây dựng nông thôn	Trung ương thuộc Bộ NN và	25/7/2015

	mới 2010-2015	PTNN	
7	Top 100 Doanh nghiệp nhận Giải thưởng Sao vàng đất việt 2015	Hội doanh nhân trẻ Việt Nam	Năm 2015

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Ngành nghề chính: Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ; Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Gia công chế tạo cơ khí; Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất phân bón; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Sản xuất và kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản.

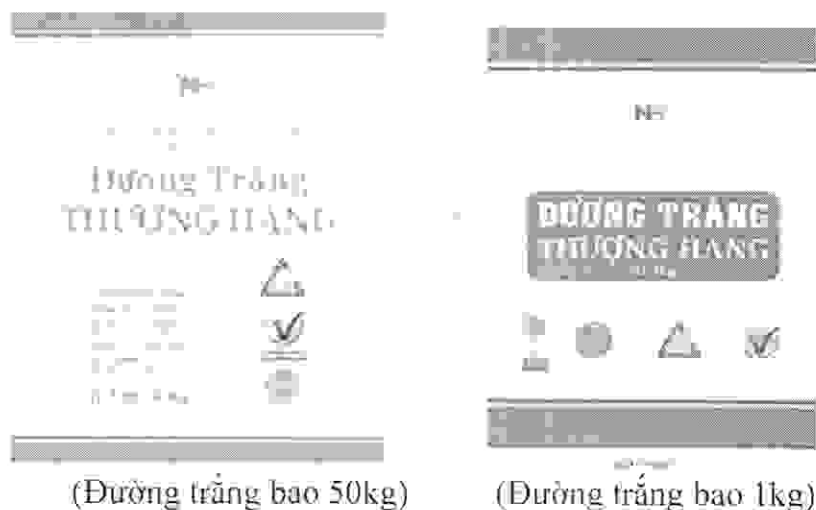
#### 3.2 Sản phẩm kinh doanh của Công ty

##### a. Đường trắng thượng hạng

- Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của Công ty: đường kính trắng
- Nhóm sản phẩm: đường bao (bao 50kg), đường túi (túi 1kg).
- Ngoại hình: tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, to, khô, không vón cục.
- Mùi vị: tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi lạ.
- Màu sắc: tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong.
- Chỉ tiêu: độ Pol (0Z): không nhỏ hơn 99,70%. Hàm lượng đường khử, % khối lượng (m/m), không lớn hơn 0,07%, độ màu (ICUMSA): không lớn hơn 120

Sản phẩm được sử dụng trực tiếp làm thực phẩm hoặc sử dụng làm nguyên liệu cho một số ngành chế biến công nghiệp (bánh, kẹo, nước giải khát, v.v...)

Sản phẩm đường kính trắng của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cơ sở đã đăng ký tại Sở y tế tỉnh Khánh Hòa, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đăng ký đều đạt chỉ tiêu chất lượng theo TCVN 6959: 2001 đối với sản phẩm đường kính trắng.



#### b. Mật rỉ

Mật rỉ là sản phẩm thu hồi sau đường, được sử dụng làm nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất cồn, bột ngọt, thức ăn gia súc, ...

Chất lượng sản phẩm mật rỉ được các đơn vị chế biến cồn, sản xuất bột ngọt, sản xuất thức ăn gia súc trong nước ưa chuộng.

Tỷ lệ thu hồi mật rỉ là 3,8-4,0kg/100kg mía.

#### c. Bùn - tro, Mía giống, Phân - thuốc

Đây là những sản phẩm hỗ trợ nông dân nhằm đảm bảo năng suất thu hoạch của vùng nguyên liệu mía.

Bùn - tro là phụ phẩm trong quá trình sản xuất đường, được sử dụng cho việc chăm bón trong nông nghiệp.

Mía giống được NHS ươm tại trạm ươm mía giống của Công ty và cung cấp cho các hộ nông dân trong vùng nguyên liệu hoặc các hộ nông dân khác có nhu cầu trồng mía.

Phân - thuốc là sản phẩm thương mại của Công ty, bao gồm phân bón Việt Nhật, phân vi sinh Covac, các loại thuốc bảo vệ thực vật, ... cung cấp cho người dân để chăm bón, giúp cây mía phát triển tốt và loại trừ sâu bệnh.

#### d. Điện thương phẩm

Quy trình sản xuất: Tổ Turbin hơi máy phát điện có công suất 30MWH dùng hơi từ lò hơi đốt bằng bã mía trong quy trình sản xuất đường để phát điện lên lưới quốc gia bán điện thương phẩm.

Sản lượng điện thương phẩm hàng năm: 36 triệu KW.

Khách hàng tiêu thụ chính: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

**3.3 Địa bàn kinh doanh:** trên phạm vi cả nước

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

##### 4.1 Mô hình quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu trữ theo đúng quy định.

*Bảng 1: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty*

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/08/2012
2	Bà Trần Quế Trang	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 19/06/2015
3	Ông Trầm Kim Dũng	TV. HĐQT kiêm TGD	Bổ nhiệm ngày 04/09/2012
4	Ông Nguyễn Quốc Việt	TV. HĐQT	Bổ nhiệm ngày 14/09/2015

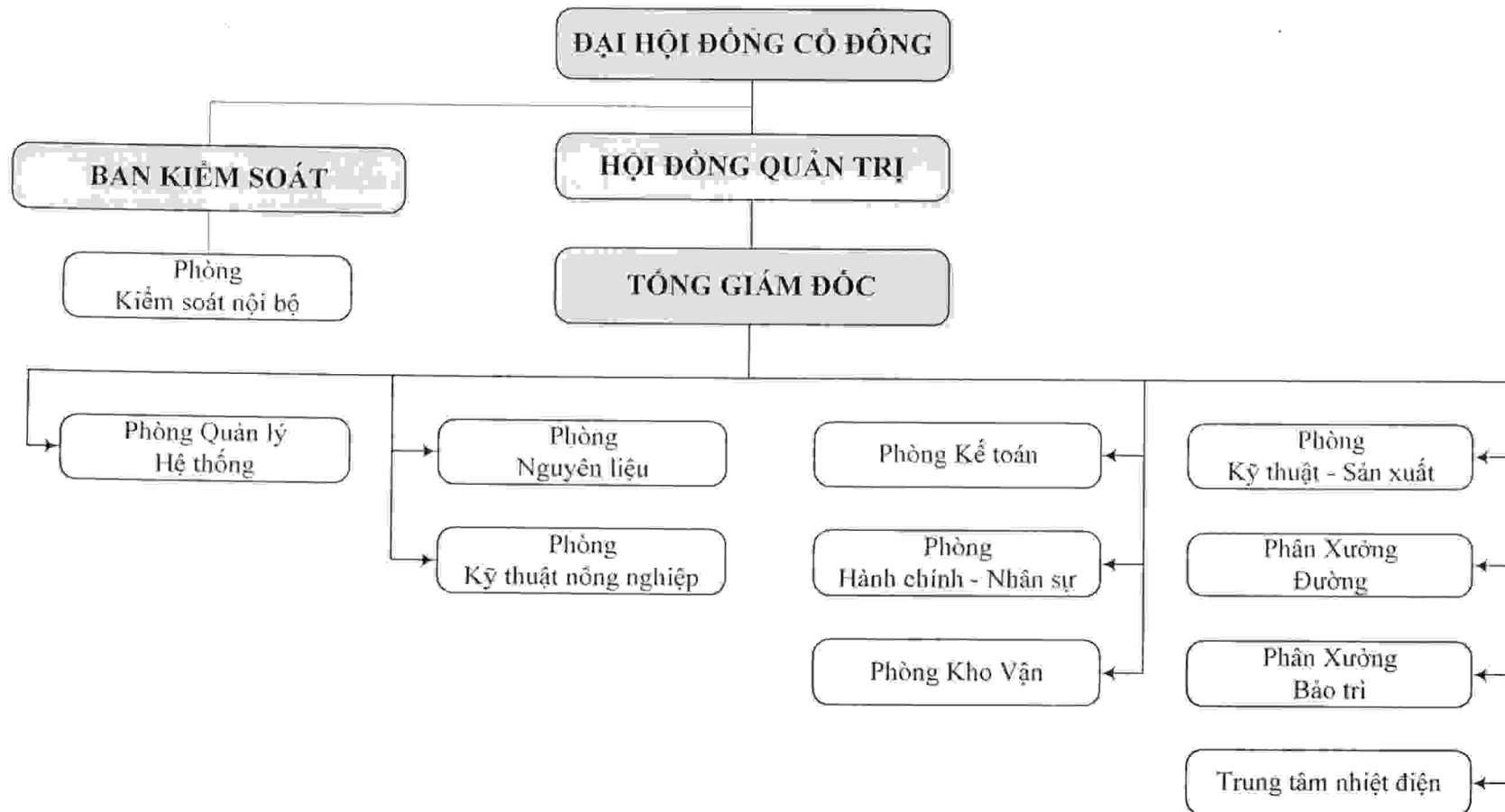
Những thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong niên độ 2014 - 2015:

- Quyết định số 174/2014/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2014T của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v thông qua đơn từ nhiệm của Ông Phan Vũ Hùng – TV HĐQT kể từ ngày 21/10/2014.
- Quyết định số 194/2014/QĐ-HĐQT ngày 11/11/2014 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v thông qua đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Thanh Ngữ - TV HĐQT kể từ ngày 11/11/2014.
- Quyết định số 195/2014/QĐ-HĐQT ngày 11/11/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v thông qua việc bổ nhiệm Ông Cáp Thành Dũng là TV HĐQT kể từ ngày 11/11/2014;
- Nghị quyết số 180/NQ-ĐHĐCD-NHS của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2014 thông qua việc bổ nhiệm Ông Bùi Văn Lang – TV HĐQT và Bà Hoàng Thị Thu Huyền kể từ ngày 24/10/2014.
- Quyết định số 111/2015/QĐ-HĐQT ngày 18/05/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v thông qua đơn từ nhiệm của Ông Cáp Thành Dũng – TV HĐQT kể từ ngày 15/05/2015.

- Quyết định số 143/2015/QĐ-HĐQT ngày 19/06/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v bổ nhiệm Bà Trần Quế Trang – TV HĐQT đồng thời giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 19/06/2015.
- Quyết định số 161/2015/QĐ-HĐQT ngày 07/07/2015 của HĐQT Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v thông qua đơn từ nhiệm của Ông Bùi Văn Lang – TV HĐQT kể từ ngày 07/07/2015.
- Quyết định số 218/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v thông qua đơn từ nhiệm của Bà Hoàng Thị Thu Huyền – TV HĐQT kể từ ngày 14/09/2015;
- Quyết định số 219/2015/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Ninh Hòa v/v thông qua việc bổ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Quốc Việt kể từ ngày 14/09/2015.



## 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



#### 4.3 Các công ty con, công ty liên kết (đến thời điểm 30/06/2015)

Stt	Công ty	Địa chỉ	Hình thức sở hữu	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn thực góp của Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	Công ty con	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92.000.000.000	100
2	Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	Quốc lộ 26, xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa	Công ty con	Sản xuất phân bón; lai tạo và cung cấp bò giống	7.361.950.000	62,92
3	Công ty CP Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai	561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Gia Lai	Công ty liên kết	Sản xuất đường	84.000.000.000	22,56
4	Ninh Hoa Sugar Privated Limited	01 đường North Bridge, #21-03 High Street Center, Singapore 179094	Công ty con	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác	14.700.000.000	100

- Ngày 30/09/2014, Công ty đã mua thêm cổ phiếu Công ty CP Mía đường Phan Rang với giá trị là 21,719 tỷ đồng, tăng tỷ lệ sở hữu thêm 35,86%.

- Ngày 24/06/2015, Hội đồng Quản trị của Công ty vào đã quyết định thanh lý toàn bộ cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Phan Rang và hoàn tất giao dịch trong tháng 6/2015.
- Ngày 25/12/2014, Hội đồng quản trị của Công ty vào đã quyết định thanh lý toàn bộ cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường 333 và hoàn tất giao dịch trong tháng 2/2015.

## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) hàng năm không thấp hơn 12%/năm.
- Vụ sản xuất 2015 – 2016, Công ty hoàn tất dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện công suất 400 tấn thành phẩm/ngày và tiếp tục nâng công suất 6.000 TMN trong vụ sản xuất 2016 - 2017. Năm 2018, nâng công suất chế biến lên 8.000 TMN, sản phẩm sản xuất 1.000.000 tấn đường/năm; định hướng năm 2020, nâng công suất chế biến lên 10.000 TMN, sản phẩm sản xuất 1.200.000 tấn đường/năm.
- Đầu tư hệ thống phát điện sử dụng bã mía làm nhiên liệu cung cấp cho lưới điện quốc gia với sản lượng điện đạt 50.000 Mwh từ năm 2015.
- Xây dựng đường Ninh Hòa (NHS) thành thương hiệu mạnh cả nước với mạng lưới phân phối khách hàng công nghiệp rộng rãi, hiệu quả.
- Đầu tư sản xuất phân bón vi sinh cung cấp cho nông dân trồng mía và nhu cầu sử dụng trong vùng từ năm 2016.
- Tiếp tục đầu tư tái chính vào các Công ty cổ ngành nghề liên quan trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên để tăng sức cạnh tranh trong khu vực.
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực, tâm huyết, năng động đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp.
- Hướng đến mục tiêu sản xuất với công nghệ sạch và thân thiện với môi trường.

### **5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

#### **a. Định hướng chiến lược đến năm 2020**

Phát triển Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành trên cơ sở phát huy tối ưu ngành mía đường, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nhằm tăng quy mô và hiệu quả

kinh doanh, xây dựng thương hiệu đường Ninh Hòa trở thành một doanh nghiệp mạnh của khu vực và cả nước.

b. Kế hoạch phát triển trung hạn đến năm 2016

#### *Ngành mía đường*

Đầu tư vùng nguyên liệu mía với diện tích đầu tư trên 10.500 ha. Thu mua mía nguyên liệu kết hợp thu nợ đầu tư vụ 2015-2016 bảo toàn vốn đầu tư, đáp ứng số lượng và chất lượng mía nguyên liệu theo nhu cầu chế biến của nhà máy.

Công ty hoàn tất dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện công suất 400 tấn thành phẩm/ngày và đưa vào vận hành vụ sản xuất 2015 – 2016.

#### *Đối với môi trường*

Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, bảo vệ môi trường trong sạch.

#### *Đối với xã hội và cộng đồng*

“Đồng hành với địa phương, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng” là mục tiêu Công ty đối với xã hội. Sự phồn vinh của xã hội gắn liền với sự phát triển Công ty. Không ngừng nỗ lực, nâng cao trách nhiệm đối với xã hội bằng những hành động thiết thực: ủng hộ đồng bào lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ vì người nghèo.

## **6. Các rủi ro**

### **6.1 Rủi ro về kinh tế**

- Nhu cầu sử dụng của bất kì sản phẩm nào cũng phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Sản phẩm đường Ninh Hòa cũng không nằm ngoài quy luật đó, sản phẩm chủ yếu của Công ty là đường, mặt hàng thiết yếu được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày, sử dụng trong các ngành công nghiệp chế biến như thực phẩm, nước uống... Do vậy, nếu nền kinh tế phát triển cao và tăng trưởng ổn định, khả năng tiêu thụ các sản phẩm từ đường sẽ nhiều hơn và ngược lại. Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ cải thiện vào các năm sau nhưng nhìn chung vẫn còn yếu, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến sự tăng trưởng của ngành chế biến thực phẩm và nhu cầu tiêu thụ đường.
- Chính sách thuế quan: lộ trình hội nhập AFTA sẽ bắt đầu áp dụng đối với sản phẩm đường từ năm 2015, xóa bỏ thuế nhập khẩu mặt hàng đường; Trước tình hình này, Công ty đã có những bước chuẩn bị, đưa ra những biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm để nâng cao giá trị cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong bối cảnh hội nhập.

## **6.2 Rủi ro về luật pháp**

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, chịu sự điều tiết và quản lý của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành sẽ ảnh hưởng đến hoạt động Công ty.

## **6.3 Rủi ro thị trường**

Rủi ro cạnh tranh bởi hàng giả và hàng kém phẩm chất: Áp lực cạnh tranh từ nguồn đường nhập lậu giá rẻ vẫn chưa có hướng giải quyết. Hàng nhập lậu chủ yếu từ Thái Lan qua biên giới các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Long An, ... Lượng đường nhập lậu ước tính khoảng 300.000 - 400.000 tấn/năm. Hàng nhập lậu ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả kinh doanh của các công ty đường nội địa.

Hiện nay sản phẩm Công ty nằm trong Top đầu của ngành đường cộng với nhiều năm kinh nghiệm trong ngành nên Công ty đã xây dựng được mạng lưới khách hàng rộng khắp cả nước. Hơn nữa, Công ty luôn có những biện pháp để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trong ngành như luôn duy trì và tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định giá bán, nâng cao năng suất để hạ giá thành sản phẩm, ... Nhờ đó giảm được rủi ro bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp khác trong ngành.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới đã dự báo các kịch bản khi giá đường giảm và có những giải pháp chủ động trong quản lý nông nghiệp, sản xuất và kiểm soát chặt chẽ các hạng mục chi phí trong hoạt động, v.v... giúp Công ty luôn duy trì hiệu quả kinh doanh và duy trì nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực.

## **6.4 Rủi ro về nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (chi phí nguyên liệu chiếm hơn 80% giá thành sản xuất đường), vì vậy biến động nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp giá thành sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, giá mía trên thị trường biến động thất thường, mang lại tâm lý không ổn định cho người trồng mía, dẫn đến việc các hộ trồng mía chuyển sang trồng những loại cây trồng khác mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, thu hẹp diện tích vùng nguyên liệu. Việc biến động và thiếu ổn định của nguồn nguyên liệu sẽ gây ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

## **6.5 Rủi ro khác**

Một số rủi ro như thời tiết khắc nghiệt, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, chiến

tranh, hỏa hoạn, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra trên quy mô lớn sẽ gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2014 -2015 (01/07/2014 – 30/06/2015)

### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

#### 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng

##### a. Doanh thu:

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/07/2014 đến 30/06/2015
<b>Doanh thu</b>	<b>1.015,20</b>	<b>635,08</b>	<b>1.017,294</b>
- Đường kính trắng	853,62	494,50	863,445
- Mật rỉ	38,92	54,72	58,136
- Bùn, tro, bã mía	9,50	11,19	14,584
- Điện thương phẩm	2,40	0,54	-
- Dịch vụ vật tư nông nghiệp	110,76	74,13	80,528
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>33,81</b>	<b>16,42</b>	<b>47,614</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>45,33</b>	<b>4,21</b>	<b>262,062</b>

Đường kính trắng được xem là sản phẩm chủ lực của Công ty, chiếm tỷ trọng cao trên 84 % trong cơ cấu doanh thu thuần hàng năm. Năm 2015, doanh thu đường kính trắng đạt 863,445 tỷ đồng.

##### b. Chi phí:

Bảng 3: Cơ cấu chi phí

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2014	Từ 1/1/2014 đến 30/06/2014	Từ 1/7/2014 đến 30/06/2015
Giá vốn	859,93	515,86	858,973
Chi phí tài chính	33,81	35,22	70,364
Chi phí bán hàng	22,32	9,19	17,966
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35,84	20,63	40,743
Chi phí khác	35,89	3,55	258,796

Giá vốn hàng bán Công ty chiếm 84,44% doanh thu thuần năm 2015, cao hơn so với mức 81,23% của năm 2014, nguyên nhân là do giá đường thay đổi giảm trong khi giá

mua nguyên liệu của năm thay đổi ít hơn so với biến động thay đổi giảm của giá đường.

*c. Lợi nhuận sau thuế*

*Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận*

*Đvt: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/07/2014 đến 30/06/2015
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	155,27	119,23	158,321
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	89,93	70,61	76,862
Lợi nhuận khác	9,44	0,66	3,266
Lợi nhuận trước thuế	99,37	71,27	80,128
Lợi nhuận sau thuế	78,38	55,45	83,541

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014;
- Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Theo đó, các số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng mà phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (giai đoạn 6 tháng) không thể so sánh được với các số liệu của năm nay từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2015 (giai đoạn 12 tháng).

**1.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất**

*Bảng 5: Kết quả hợp nhất*

*Đvt: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/07/2014 đến 30/06/2015
Tổng giá trị tài sản	1.861,71	2.194,93	2.005,70
Doanh thu thuần	1.015,03	906,52	1.310,25
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	87,39	130,52	(1,804)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	18,32	22,16	10,174

Lợi nhuận khác	9,35	0,62	3,764
Lợi nhuận trước thuế	115,06	153,295	12,133
Lợi nhuận sau thuế	91,42	125,19	16,403

Lợi nhuận sau thuế năm nay thấp là do trong năm tài chính 2014 - 2015 Công ty thanh lý công ty con, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và phát sinh lỗ từ việc thanh lý này.

## 2. Tổ chức nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

- Ông Trâm Kim Dũng: Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Tiến Cường: Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật
- Bà Võ Thị Thủy Tiên: Giám đốc Tài chính
- Bà Ngô Thị Thu Trang: Kế toán trưởng

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

#### ➤ Ông Trâm Kim Dũng - Tổng giám đốc

Giới tính : Nam

CMND : 220320241

Ngày sinh : 17/12/1964

Nơi sinh : Bến Tre

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú : 342B đường Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 30/06/2015): 202.321 cổ phần

#### ➤ Ông Nguyễn Tiến Cường - Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật

Giới tính : Nam

CMND : 280360268

Ngày sinh : 1966

Nơi sinh : Bình Dương

Quốc tịch : Việt Nam



Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú: 22/6 Ấp Trung, Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương  
Trình độ học vấn : 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 30/06/2015): 0 cổ phần

➤ **Bà Võ Thị Thủy Tiên – Giám đốc Tài chính**

Giới tính : Nữ  
CMND : 220886978  
Ngày sinh : 16/04/1974  
Nơi sinh : Khánh Hòa  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Khánh Hòa  
Địa chỉ thường trú : Vĩnh Phước, Nha Trang, Khánh Hòa  
Trình độ học vấn : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 30/06/2015): 26.750 cổ phần

➤ **Bà Ngô Thị Thu Trang – Kế toán trưởng**

Giới tính : Nữ  
CMND : 225044985  
Ngày sinh : 1978  
Nơi sinh : Khánh Hòa  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Khánh Hòa  
Địa chỉ thường trú : thôn Phú Khánh Hạ, Diên Thạnh, Diên Khánh, Khánh Hòa  
Trình độ học vấn : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán  
Số cổ phần sở hữu (tại thời điểm 30/06/2015): 0 cổ phần

**2.2 Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc:**

- Ông Trần Quốc Thảo miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty từ ngày 04/05/2015 theo Quyết định số 104/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/04/2015

- Ông Nguyễn Tiến Cường được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc kỹ thuật từ ngày 01/09/2014 theo Quyết định số 116/QĐ-HĐQT ngày 11/08/2014.
- Ông Vũ Thành Châu miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc kỹ thuật từ ngày 01/09/2014 theo Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 11/08/2014.

### 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động của NHS đến thời điểm 30/06/2015 là 473 lao động. Cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 6: Tình hình lao động tính đến ngày 30/06/2015*

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ
<b>Phân theo độ tuổi</b>	<b>473</b>	<b>100%</b>
Từ 18 tuổi đến dưới 25 tuổi	53	11,2%
Từ 25 tuổi đến dưới 35 tuổi	184	38,9%
Từ 35 tuổi đến dưới 45 tuổi	165	34,88%
Trên 45 tuổi	71	15,0%
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>473</b>	<b>100%</b>
Trên đại học	1	0,21%
Đại học	84	17,75%
Cao đẳng	28	5,92%
Trung cấp	98	20,71%
Lao động phổ thông	262	55,39%

Nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ CBNV yêu thích công việc và tâm huyết với nghề, gắn bó với sự phát triển của Công ty. Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ chính sách phù hợp dành cho người lao động bao gồm:

- Công ty luôn quan tâm công tác đào tạo chuyên môn và kỹ năng quản lý cho cán bộ quản lý cấp trung, nâng cao nghiệp vụ cho CBNV tại địa phương hoặc cử đi đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh để đáp ứng quy mô ngày càng mở rộng của Công ty.
- Công ty chú trọng đến đời sống, thu nhập, môi trường làm việc và thăng tiến, tạo mọi điều kiện cho CBNV phát huy năng lực và khả năng; Thu nhập bình quân trong năm tài chính 2014 - 2015 là 8.5 triệu đồng/người/tháng.

- Phối hợp với Công đoàn Cơ sở Công ty CP Đường Ninh Hòa, Công ty tổ chức chương trình “Mái ấm NHS” thực hiện hỗ trợ 2 nhà cho Đoàn viên Công đoàn có hoàn cảnh khó khăn, với mức hỗ trợ 60 triệu đồng/nhà; Hàng năm, Công ty tổ chức các chương trình có ý nghĩa động viên, khích lệ tinh thần của CBCNV Công ty: tổ chức Lễ phát thưởng Học sinh giỏi và trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, quà Quốc tế thiếu nhi, v.v...

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1 Các khoản đầu tư lớn

##### a. Đầu tư dự án nâng công suất chế biến

Hoàn tất Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện công suất 400 tấn thành phẩm/ngày và kịp thời đưa dây chuyền vào hoạt động vụ sản xuất 2015 – 2016.

##### b. Đầu tư tài chính

Bảng 7: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty	SL đầu kỳ	Số liệu cuối kỳ (30/06/2015)		
		Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Giá trị đầu tư (triệu đồng)
CTCP Bò Giồng Miền Trung	736.195	736.195	62,92%	15.278
CTCP Mía đường Phan Rang	1.619.198	-	-	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	100%	100%	100%	300.000
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company		100%	100%	14.957
CTCP Mía Đường 333	3.508.981	-	-	-
CTCP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	8.800.000	8.800.000	22,56%	136.919
CTCP Điện Gia Lai	8.050.000	8.050.000	13,39%	84.000
CTCP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường TTC	420.000	420.000	14,00%	4.200
CTCP Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	-	-	-
CTCP Đường Biên Hòa	116.648	116.648	0,2%	1.401
<b>Tổng</b>				<b>556,755</b>

### 3.2 Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết (đến thời điểm 30/06/2015)

#### a. Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung

Hoạt động chính của Công ty là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác;

Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty Đường Ninh Hòa sở hữu 736.195 cổ phiếu, chiếm 62,92% vốn điều lệ Công ty CP Bò giống Miền Trung. Lợi nhuận sau thuế của Công ty âm 2,018 tỷ đồng, nguyên nhân do Công ty đang quy hoạch lại diện tích đất trồng cỏ, trồng mía và cải tạo lại đất, vì vậy năm 2013, 2014 doanh thu từ hoạt động trồng mía thấp.

#### b. Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (NHE)

Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa được thành lập gắn liền với dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện bã mía Ninh Hòa, với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án là 345,2 tỷ đồng.

Trong năm 2013 Công ty vốn góp 100% thành lập mới Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa gắn liền với dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện bã mía Ninh Hòa, với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án là 345,2 tỷ đồng và đưa nhà máy vào hoạt động năm 2014.

Đến hết ngày 30/6/2015 NHS đã góp đủ 300 tỷ đồng, tương đương 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa.

Tại thời điểm 30/06/2015, doanh thu thuần Công ty đạt 30,236 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 18,345 tỷ đồng.

#### c. Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (SEC)

Hoạt động kinh doanh của SEC bao gồm sản xuất đường và các sản phẩm sau đường; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; chế biến hàng nông sản (trừ mù cao su); bán buôn nông, lâm, sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mù cao su); kinh doanh vận tải hàng hóa; gia công cơ khí; ...

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa sở hữu 8.800.000 cổ phiếu, chiếm 22,56% vốn điều lệ SEC. Tại thời điểm 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh của SEC: doanh thu thuần đạt 812,71 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 32,965 tỷ đồng.

d. *Ninh Hoa Sugar Privated Limited Company ("NHS PTE")*

Được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận đầu tư nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12/08/2014 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 734/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 ngày 06/02/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Hoạt động chính của NHS PTE là kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.

Hiện tại Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đã góp vốn đầy đủ, sở hữu 100% vốn đầu tư của NHS PTE. Tại thời điểm 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh của NHS PTE: lợi nhuận sau thuế âm 3,003 tỷ đồng, nguyên nhân Công ty mới thành lập chưa phát sinh doanh thu.

**4. Tình hình tài chính**

**a. Tình hình tài chính**

*Bảng 8: Tình hình tài chính*

*Đvt: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/7/2014 đến 30/06/2015
1	Tổng tài sản	1.861.708	2.194.928	2.005.706
2	Doanh thu thuần	1.015.027	906.521	1.310.245
3	Lợi nhuận từ HĐKD	87.385	130.522	(1.803)
4	Lợi nhuận khác	9.350	615	3.764
5	Lợi nhuận trước thuế	115.055	131.137	12.133
6	Lợi nhuận sau thuế	91.417	125.190	16.403

*(\*) Do kể từ ngày 01/07/2014, NHS thay đổi niên độ kế toán cho phù hợp với niên độ khai thác ngành mía đường, vì vậy năm tài chính 2014 của NHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Sau đó niên độ kế toán của NHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc tại ngày 31/06 hàng năm.*

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

*Bảng 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,29	1,10	1,11	1,20
- Hệ số thanh toán nhanh	0,91	0,73	0,76	0,83
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,56	0,51	0,54	0,51
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,25	1,05	1,24	1,06
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	1,5	2,65	2,02	3,38
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,33	0,54	0,41	0,65
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	8,73%	8,21%	13,81%	1,25%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	6,50%	9,02%	13,05%	1,68%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	2,89%	4,39%	5,70%	0,82%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	11,12%	7,56%	14,40%	-0,14%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần : 60.750.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 30/06/2015): 60.750.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết: 60.750.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

**b. Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 30/06/2015)**

*Bảng 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/06/2015*

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo tỷ lệ sở hữu</b>			
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu	43.137.978	71,01
2	Cổ đông sở hữu từ 1-5% cổ phiếu	10.185.757	16,77

3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu	7.426.265	12,22
<b>Phân theo cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài</b>			
1	Cổ đông trong nước	57.858.868	95,24
2	Cổ đông nước ngoài	2.891.132	4,67
<b>Phân theo cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức</b>			
1	Cổ đông cá nhân	18.085.045	29,77
2	Cổ đông tổ chức	42.664.955	70,23

### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có.

## III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

#### Tình hình chung

Tình hình kinh tế trong nước 6 tháng đầu năm nay diễn ra trong bối cảnh thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp về kinh tế và chính trị. Tình hình sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: Sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề;... Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó quý I tăng 5,09%; quý II tăng 5,25%. Đây là mức tăng GDP cao so với mức tăng cùng kỳ năm 2012 và 2013. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm theo giá so sánh 2010 ước tính đạt 357,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 4,77% so với bình quân cùng kỳ năm trước, bình quân mỗi tháng trong 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 0,23%.

#### Ngành đường

##### Ngành mía đường thế giới:

Ngành mía đường thế giới sau bốn mùa vụ liên tiếp ở trạng thái cung vượt cầu ở mức cao đã có những dấu hiệu hiệu hồi phục.

Theo báo cáo tổng quan thị trường đường hàng quý (Quarterly Market Outlook, phát hành vào tháng 5/2014) của Tổ chức Đường thế giới (ISO), dự báo trong niên vụ 2013/2014 sản lượng sản xuất sẽ giảm 3 triệu tấn so với niên vụ 2012/2013 nhưng mức tiêu thụ đường tăng 3,5 triệu tấn (từ mức 172,5 triệu tấn lên 176 triệu tấn) khiến cho thặng dư đường thế giới giảm 2,5 triệu tấn (niên vụ 2013/2014 thặng

đường khoảng 6 triệu tấn trong khi đó mức thặng dư đường niên vụ 2012/2013 là 8,5 triệu tấn) và mức thặng dư này được dự báo sẽ tiếp tục giảm trong những niên vụ sau. Như vậy cầu về đường ngày càng tăng trong khi cung về đường lại có dấu hiệu suy giảm do một số nguyên nhân như:

Nhu cầu gia tăng đối với cây mía cho sản xuất ethanol: Hiện tượng thời tiết El Nino được dự báo có thể sẽ xảy ra vào thời điểm cuối năm 2014, kéo theo sự sụt giảm sản lượng mía. El Nino được xem là yếu tố không thuận lợi đối với cây mía do mưa nhiều sẽ khiến cho lượng đường trong mía giảm. Xu hướng gia tăng sản xuất ethanol từ mía cũng góp phần làm giảm sản lượng cung đường. Theo OECD, sản lượng ethanol dự báo sẽ tăng trưởng 67% trong 10 năm tới và tiêu thụ khoảng 28% sản lượng mía. Năm 2014, sản xuất ethanol ở Brazil tiêu thụ 56,4% sản lượng mía của nước này, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước.

Triển vọng phục hồi của kinh tế thế giới cũng sẽ là một nhân tố đẩy mạnh nhu cầu tiêu thụ đường.

Việc tham gia TPP cũng như các hiệp định thương mại khác, Việt Nam phải mở cửa ngành mía đường, gỡ bỏ các hạn ngạch nhập khẩu. Dự báo ngành mía đường Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn do chi phí sản xuất cao hơn so với các nước trong khu vực và thế giới.

## 2. Kết quả sản xuất – kinh doanh

*Bảng 11: Kết quả sản xuất – kinh doanh*

Stt	Kết quả HĐKD	ĐVT	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015		
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH
A	Sản lượng mía ép	Tấn	650.000	634.393	97,60%
B	Sản lượng sản xuất	Tấn	67.600,00	66.475	98,34%
D	Kết quả kinh doanh				
1	Doanh thu thuần Công ty mẹ	Tr.đồng	1.110,67	1.017	91,59%
2	LNTT Công ty mẹ	Tr.đồng	46	80	174,19%
3	LNST Công ty mẹ	Tr.đồng	36	84	234,46%

## 3. Công tác nguyên liệu

Công ty đã hoàn tất công tác thu mua mía nguyên liệu vụ 2014 - 2015 với tổng sản lượng đạt 634.393 tấn đạt 97,6% so kế hoạch 650.000 tấn. Tổng giá trị thu nợ đầu



tư cho vụ 2014-15 đạt 177,38 tỷ đồng trên giá trị phải thu 178,9 tỷ đồng đạt tỷ lệ 99,14% đạt thấp hơn kế hoạch (99,2%).

#### **4. Công tác kỹ thuật – sản xuất**

##### **Tình hình sản xuất:**

Trong vụ sản xuất 2014-2015, Nhà máy đường vận hành tốt dây chuyền sản xuất đạt công suất ép bình quân 4.914 TMN; tổng sản lượng ép đạt 634.393 tấn.

##### **Đầu tư dự án:**

- Dự án Nâng công suất lên 6.000 TMN (giai đoạn I): ổn định chất lượng đường thành phẩm với công suất chế biến 5200 TMN.
- Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải 2200m<sup>3</sup>/ngày: đang thi công xây dựng, bao gồm gói thiết bị và gói xây dựng.
- Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện công suất 400 tấn đường thành phẩm/ngày: đang triển khai hoàn tất các hạng mục của dự án và dự kiến đưa vào vận hành trong vụ sản xuất 2015-2016.
- Dự án đầu tư quy hoạch tổng thể mặt bằng Công ty: Hoàn tất quy hoạch tổng thể và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quy hoạch; đang triển khai lập dự án đầu tư và thiết kế cơ sở, lập hồ sơ xin phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

#### **5. Công tác tài chính**

**Tình hình huy động vốn:** Nợ vay trong kỳ tăng theo nhu cầu sản xuất vụ sản xuất 2014- 2015.

- Dự nợ vay ngắn hạn đến 30/6 là 887 tỷ đồng, lãi suất bình quân là 5,7%/năm.
- Dự nợ vay dài hạn đến 30/6 là 87 tỷ đồng, lãi suất bình quân là 9,0%/năm.

##### **Công tác đầu tư tài chính**

##### **Cổ tức:**

- Cổ phiếu của Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC): Nhận cổ tức bằng tiền mặt 5% tương đương 4,4 tỷ đồng.
- Cổ phiếu của Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS): nhận cổ tức bằng tiền mặt 10% tương đương 116,65 triệu đồng.
- Cổ phiếu của Công ty CP Mía đường Phan Rang: nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 1:0,436 tương đương 1.195.986 CP.

##### **Giao dịch mua bán CP**

- Bán 2.939.704 CP của Công ty CP Mía đường Phan Rang.
- Bán 3.508.981 CP của Công ty CP Mía đường 333.

- Bán 1.500.000 CP của Sản giao dịch hàng hóa Sài Gòn Thương Tín

## 6. Công tác nhân sự

Tổng lao động đầu niên độ 2014 - 2015 khoảng 441 người trong đó lao động thời vụ, vụ việc là 42 người. Trong năm đã tuyển dụng 63 người, so với kế hoạch niên độ 2014-2015 đạt 86.11%.

## 7. Công tác đào tạo:

Công tác đào tạo phần lớn các khóa đào tạo đều tập trung thực hiện từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Tổng số khóa đào tạo theo kế hoạch là 37 khóa, tuy nhiên số khóa đào tạo thực tế là 43 khóa (bao gồm 24 khóa đào tạo theo kế hoạch, 19 Khóa đào tạo bổ sung). Số lượt người được đào tạo là 942 lượt.

## 8. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Bảng 12: Tình hình tài sản

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/6/2015		30/6/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	979,72	51,53%	1.179,35	61,38%
Tài sản dài hạn	921,72	48,47%	742	38,62%
Tổng tài sản	1.901,44	100,00%	1.921,35	100,00%

Tổng tài sản Công ty tại thời điểm 30/6/2015 giảm 20 tỷ đồng so thời điểm 30/6/2014. Tuy nhiên cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch rõ rệt, tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm 9,85% so với 30/6/2014 tương ứng là 199,63 tỷ đồng trong khi đó tài sản dài hạn tăng 9,85% tương ứng là 179,72 tỷ đồng.

### b. Tình hình nợ phải trả

Bảng 13: Tình hình nợ phải trả

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/6/2015		30/6/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	887,937	46,7%	915,28	47,64%
Nợ dài hạn	87,10	4,58%	152,63	7,94%
Nợ phải trả	975,03	51,28%	1.067,91	55,58%

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 30/6/2015 giảm 92,88 tỷ đồng so với 30/6/2014. Trong đó cơ cấu nợ trên tổng nguồn vốn cụ thể như sau: tỷ trọng nợ phải trả ngắn hạn 46,7% trong khi nợ dài hạn 4,58%.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

##### **a. Về công tác tổ chức quản lý**

Trong năm tài chính 2014 - 2015, HĐQT đã tổ chức họp các cuộc họp thường kỳ và đột xuất nhằm giải quyết các công việc theo tính chất thường trực. HĐQT cũng đã bổ nhiệm, tái bổ nhiệm các cán bộ quản lý căn cứ vào chuyên môn, nghiệp vụ để tiếp tục thực hiện công tác quản lý, điều hành của Công ty, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

##### **b. Về hoạt động sản xuất kinh doanh**

###### ***Công tác nguyên liệu***

- Sản lượng mía ép không đạt theo kế hoạch niên vụ sản xuất 2014-2015 do thời tiết nắng hạn kéo dài.
- Diện tích thu hoạch nguyên liệu vụ 2014-2015 là đạt gần 13.000 ha.
- Chính sách đầu tư, mua mía, thu hoạch và các chính sách hỗ trợ khác của Công ty trong vụ mía 2014-2015 phù hợp với lợi ích của người bán mía, đảm bảo tính cạnh tranh khuyến khích nông dân gắn bó lâu dài với Công ty, đáp ứng chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

###### ***Công tác mở rộng nâng công suất dự án***

- Hoàn tất dự án nâng công suất chế biến nhà máy lên 5.200 TMN (giai đoạn 1 của dự án 6.000 TMN) đã đưa vào hoạt động vụ sản xuất 2013-2014.
- Duy trì công suất ép bình quân, hiệu suất thu hồi, hệ số an toàn thiết bị, thu hồi điện thương phẩm, chất lượng đường thành phẩm vụ 2014-2015 được nâng cao và ổn định, đặc biệt kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giá thành đường vượt kế hoạch đề ra.

### ***Công tác kinh doanh***

Sản lượng đường tiêu thụ niên độ 2014 – 2015: 70.583 tấn đường, đạt 92,8% so kế hoạch với giá bán bình quân vượt 2% so kế hoạch. Trong đó sản lượng bán theo chương trình người địa phương dùng hàng địa phương 1.400 tấn.

### ***c. Về công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực***

- Trong năm tài chính 2014 – 2015, Hội đồng quản trị tái bổ nhiệm Tổng giám đốc, bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc, miễn nhiệm 02 Phó Tổng giám đốc; bổ nhiệm, tái bổ nhiệm một số cán bộ quản lý khác nhằm phát triển đội ngũ cán bộ cốt cán phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- HĐQT đã tập trung chỉ đạo xuyên suốt Ban Tổng giám đốc chú trọng, quan tâm công tác đào tạo chuyên môn và kỹ năng quản lý cho cán bộ quản lý cấp trung, nâng cao nghiệp vụ cho CBNV tại địa phương hoặc cử đi đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh để đáp ứng quy mô ngày càng mở rộng của Công ty.
- HĐQT luôn quan tâm đến đời sống, thu nhập, môi trường làm việc và thăng tiến, tạo mọi điều kiện cho CBNV phát huy năng lực và khả năng;

### ***d. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc***

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã đáp ứng được yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của Điều lệ và nhiệm vụ kế hoạch được giao.
- Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc Điều lệ, quy chế, quy định Công ty và sự chỉ đạo, giám sát của HĐQT và BKS.
- Bên cạnh những ưu điểm, kết quả tích cực, hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn còn một số mặt cần chú trọng việc tăng cường, củng cố tổ chức, cán bộ và công tác chỉ đạo điều hành, nhất là một số lĩnh vực quan trọng như nguyên liệu, công nghệ sản xuất, đầu tư phát triển.
- Căn cứ những quy chế, quy định của HĐQT đã ban hành và căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng giám đốc tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ Công ty.

### ***e. Công tác sáp nhập NHS&BHS***

Thực hiện theo nội dung Nghị quyết số 78/NQ-ĐHĐCĐ-NHS ngày 12/06/2014 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, Công ty đã tiến hành các thủ tục để thực hiện sáp nhập vào Công ty cổ phần Đường Biên Hòa (BHS). Công ty đã phối hợp với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa triển khai các bước công việc theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ngày 16/09/2015, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với BHS thực hiện các công việc đúng lộ trình sáp nhập theo quy định; Công ty ổn định hoạt động và phát huy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau sáp nhập.

## 2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Các mục tiêu cụ thể như sau:

### a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2015 (từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015)

*Bảng 14: Kế hoạch sản xuất kinh doanh*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Từ 01/07/2015-30/06/2015
1	Sản lượng mía ép	Tấn	650.000
2	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	68.356
3	Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	71,865
4	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/tháng	8,5

### b. Công tác nông nghiệp

Mục tiêu trọng tâm công tác nguyên liệu vụ 2015 - 2016:

- Công tác phát triển diện tích đất sò hữu đạt được các mục tiêu theo định hướng chung của Công ty.
- Tổ chức sản xuất nông trường kiểu mẫu triển khai hoàn tất trong 2 niên độ 2015 - 2016, 2016 - 2017, trong đó có phương án tưới 100% diện tích nông nghiệp của Nông Trường và phấn đấu giảm giá thành sản xuất mía phù hợp.
- Tiếp tục phát triển diện tích tưới mía cho nông dân, xây dựng phương án tưới mang tính chất quy hoạch lâu dài và tổng thể, đến 2018 đạt diện tích tối thiểu 30% tổng diện tích toàn vùng nguyên liệu Công ty quản lý.
- Tiếp tục phát triển nguyên liệu vùng gần; phát triển vùng nguyên liệu Công ty quản lý một cách toàn diện hơn nữa về mặt diện tích và năng suất chất lượng mía.

### c. Công tác Dự án – sản xuất

- Vận hành ổn định công suất chế biến 5.200TMN ổn định và nâng cao chất lượng thành phẩm.

- Nâng cao hệ số an toàn thiết bị; đảm bảo hiệu suất tổng thu hồi, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong hoạt động sản xuất.
- Trọng tâm niên độ 2015 - 2016: triển khai đưa Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện công suất 400 tấn thành phẩm/ngày kịp thời vào vụ sản xuất 2015-2016, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn.
- Tiếp tục duy trì phát huy mặt tích cực đã đạt được trong công tác sản xuất của vụ 2014 - 2015.
- Hoàn thành song song hệ thống FSSC trong vụ 2015 - 2016 khi dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện công suất 400 tấn thành phẩm/ngày đi vào hoạt động.

#### **d. Công tác Nhân sự - Đào tạo:**

- Công tác Nhân sự: Niên độ 2015 - 2016: xây dựng phương án nguồn lực mang tính chất tổng quát, tuyển dụng từ nguồn khác nhau cũng như kết hợp các chương trình đào tạo nhân lực bổ sung tại chỗ đáp ứng cho kế hoạch phát triển lâu dài của Công ty đặc biệt là nông nghiệp cũng như công tác quản lý các DA: quan tâm chính sách đãi ngộ cho người lao động, tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực, nâng cao năng suất lao động – đây là yếu tố quyết định phần lớn giúp tăng thu nhập cho người lao động.
- Ưu tiên công tác tuyển dụng nhân sự đáp ứng cho Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đường tinh luyện công suất 400 tấn thành phẩm/ngày đi vào sản xuất kịp thời ổn định.

#### **e. Công tác khác**

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản của Công ty, chú trọng việc tiết kiệm chi phí.
- Đảm bảo điều hành hoạt động của Công ty bằng kế hoạch.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.
- Tiếp tục quan tâm công tác ATLĐ, PCCC, xử lý nước thải, phát thải, khí thải liên quan đến môi trường; cần được kiểm soát chặt chẽ, quan tâm đúng mức không để xảy ra sự cố.
- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện cảnh báo kịp thời rủi ro trong công tác điều hành qua việc tuân thủ các quy trình, quy định, quy chế trong hoạt động của Công ty.

- Công tác M&A với BHS: các đơn vị được phân công phải quan tâm triển khai theo tiến độ đề ra để Công ty vận hành tốt sau khi sáp nhập, đặc biệt công tác hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị (tại 30/06/2015)

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu (thời điểm 30/06/2015)	Tỷ lệ (%)	SL chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác
1	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	255.696	0,42	1
2	Bà Trần Quế Trang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	1
2	Ông Trâm Kim Dũng	TV HĐQT	202.312	0,33	3
3	Ông Nguyễn Quốc Việt	TV HĐQT	-	-	2

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm tài chính 2014 - 2015 (từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015), HĐQT đã tiến hành các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT để đưa ra các quyết định, hoạch định chiến lược, chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

#### d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thực hiện chuyên trách nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị ban hành những chủ trương nghị quyết xác thực từng tình hình cụ thể, đồng thời phối hợp thực thi các Nghị quyết để hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ đề ra.

#### e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

### 2. Ban Kiểm soát

### Danh sách Ban Kiểm soát và số cổ phần sở hữu

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu
1	Phạm Cao Sơn	Trưởng ban	36.000 CP
2	Lưu Mạnh Thức	Thành viên	-
3	Bùi Tấn Khải	Thành viên	-

### 3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

#### a. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

*Nội dung cuộc họp quý 1 niên độ 2014 - 2015.*

Các Thành viên Ban kiểm soát cùng nhau phân tích đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2014 và lên kế hoạch kiểm tra trong quý.

- Thống nhất đề cương kiểm tra hoạt động Khối nông nghiệp với các nội dung chính như sau:
  - + Kiểm tra công tác thu hoạch nguyên liệu vụ 2013-2014.
  - + Kiểm tra công tác đầu tư nguyên liệu vụ 2014-2015.
- Phúc tra tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.
- Phân công Ông Phạm Cao Sơn - Trưởng Ban kiểm soát lập Thông báo kiểm tra và Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu gửi đơn vị.

*Nội dung cuộc họp quý 2 niên độ 2014 - 2015.*

Các Thành viên Ban kiểm soát cùng nhau phân tích đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty trong quý 1 niên độ 2014 - 2015 và đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý 4/2014.

- Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của của Ban kiểm soát trong Biên bản kiểm tra số 03/2014/BBKT-BKS ngày 14/8/2014.
- Thống nhất các nội dung kiểm tra các điều kiện khởi động vụ ép theo quy chuẩn.
  - + Công tác chuẩn bị thuộc Khối Nhà máy.
  - + Điều kiện về nguyên liệu và Khối Nông vụ.
  - + Công tác ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn liên quan.

*Nội dung cuộc họp quý 3 niên độ 2014 - 2015*

Các Thành viên BKS phân tích đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty trong 06 tháng đầu năm niên độ 2014 - 2015 và đề ra kế hoạch 06 tháng còn lại.



- Đây là thời gian trong vụ sản xuất nên tập trung chủ yếu kiểm tra kiểm soát khối Nguyên liệu, cụ thể:
  - + Kiểm tra công tác thu hoạch và vận chuyển mía theo quy chuẩn, đảm bảo mía sạch, mía tươi cho sản xuất.
  - + Kiểm tra việc xác định tạp chất và xác định chữ đường.
  - + Kiểm tra, nghiệm thu các chương trình như chặt sát gốc, che phủ bạt xe mía...
- Kiểm tra báo cáo tài chính quý 2 niên độ 2014-2015.

#### *Nội dung cuộc họp quý 4 niên độ 2015*

- Các Thành viên BKS phân tích đánh giá chung tình hình hoạt động của Công ty trong quý 3 niên độ 2014-2015.
- Thông qua nội dung, đề cương kiểm tra kiểm tra Công ty vào cuối tháng 6/2015:
  - + Kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.
  - + Kiểm tra chi phí, giá thành sản xuất đường và công tác tài chính liên quan đến công tác sáp nhập.
  - + Kiểm tra công tác đầu tư nguyên liệu vụ 2015-2016 và các chương trình đầu tư khác.
  - + Phân công Ông Phạm Cao Sơn - Trưởng Ban kiểm soát lập Thông báo kiểm tra và Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu gửi đơn vị.

#### **b. Hoạt động giám sát đối với Hội đồng quản trị**

HĐQT đã chi đạo hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông đề ra, đã định hướng đúng đắn về công tác đầu tư nguyên liệu, chính sách thu mua đảm bảo lợi ích cho người trồng mía; xây dựng chính sách nhân sự và quản lý tài chính phù hợp có hiệu quả. Ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước. Trong niên độ 2014-2015, HĐQT có những hoạt động đạt kết quả như sau:

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch 2014-2015 đạt hiệu quả cao.
- Chỉ đạo việc phân phối lợi nhuận sau thuế theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Phê duyệt ban hành các văn bản lập quy; các phương án sản xuất kinh doanh; các hạng mục đầu tư; Phê duyệt lựa chọn nhà thầu;
- Quyết định miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh theo thẩm quyền.

- Phê duyệt chuyển đổi năm tài chính của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa phù hợp với Công ty Cổ phần Đường Ninh hòa.
- Quyết định chuyển nhượng toàn bộ một số cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang và cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường 333.
- Các thành viên HĐQT thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Điều lệ Công ty.
- Tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, đột xuất để thông qua các chủ trương, chính sách, kịp thời chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 06 tháng đầu năm 2014 vào ngày 24/10/2015.

**c. Hoạt động giám sát đối với Ban điều hành**

- Ban điều hành đã tổ chức quản lý, sử dụng và phát huy tối các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, các chế độ chính sách cho người lao động.
- Xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, chăm lo thu nhập của người trồng mía.
- Ban điều hành đã triển khai và thực hiện kế hoạch niên độ 2014-2015 đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu, trong đó lợi nhuận trước thuế đạt 174,19% kế hoạch của Công ty mẹ.
- Quyết định luân chuyển một số vị trí cán bộ quản lý theo yêu cầu công việc. Bổ nhiệm các chức danh cán bộ theo thẩm quyền.
- Ban hành các Quy trình, nội qui, hướng dẫn phục vụ công tác quản lý đảm bảo hoạt động của Công ty thông suốt, an toàn và hiệu quả.

**d. Hoạt động kiểm tra các phòng/ban, phân xưởng**

- Kiểm tra hoạt động của Khối nguyên liệu.
- Kiểm tra hoạt động của Khối sản xuất.
- Kiểm tra hoạt động của Khối kinh doanh và hỗ trợ.
- Sau các cuộc kiểm tra đều có những kiến nghị cụ thể thông qua Biên bản kiểm tra.

**4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS**

- a. Tỷ trọng lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng cộng	Ghi chú
<b>Hội đồng quản trị</b>						
Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT		90%	10%	100%	
Bà Trần Quế Trang	Phó Chủ tịch HĐQT		100%	-	100%	<i>Bổ nhiệm ngày 19/06/2015</i>
Ông Trâm Kim Dũng	TV. HĐQT		80%	20%	100%	
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	TV. HĐQT		65%	35%	100%	<i>Từ nhiệm ngày 11/11/2014</i>
Ông Phan Vũ Hùng	TV HĐQT		97%	3%	100%	<i>Từ nhiệm ngày 21/10/2014</i>
Bà Hoàng Thị Thu Huyền	TV HĐQT		80%	20%	100%	<i>Từ nhiệm ngày 14/09/2015</i>
Ông Bùi Văn Lang	TV HĐQT		73%	27%	100%	<i>Từ nhiệm ngày 07/07/2015</i>
Ông Cáp Thành Dũng	TV HĐQT		71%	29%	100%	<i>Từ nhiệm ngày 11/11/2014</i>
<b>Ban kiểm soát</b>						
Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng BKS		85%	15%	100%	
Ông Lưu Mạnh Thúc	TV. BKS		83%	17%	100%	

Ông Bùi Tấn Khải	TV. BKS		83%	17%	100%	
<b>Ban Tổng giám đốc</b>						
Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc	69%		31%	100%	
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó TGD Kỹ thuật	67%		33%	100%	
Ông Trần Quốc Thảo	Phó TGD thường trực	69%		31%	100%	Miễn nhiệm ngày 04/05/2015
Ông Vũ Thành Châu	Phó TGD Kỹ Thuật	79%		21%	100%	Miễn nhiệm ngày 1/9/2014
<b>Giám đốc Tài chính</b>						
Bà Võ Thị Thủy Tiên	Giám đốc tài chính	69%		31%	100%	
<b>Kế toán trưởng</b>						
Bà Ngô Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	68%		31%	100%	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người có liên quan với chính Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (30/06/2014)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (30/06/2015)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành	Cổ đông lớn	11.802.000	19,42	27.405.502	45,11	Mua

	Công						
2	Đặng Huỳnh My	Ưc Cổ đông lớn	0	0	5.400.000	8,98	Mua
3	Thái Thanh Tuyền	Thị Cổ đông lớn	3.045.700	5,01	0	0	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Cổ đông	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015	
	VND	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</b>		
Bán hàng hóa		159.386.990.708
Mua tài sản cố định		-
Thanh lý tài sản cố định		-
Phí dịch vụ tư vấn		10.423.662.756
Lãi do thanh toán chậm		2.993.580.130
Cho vay ngắn hạn		316.000.000.000
Thu nhập lãi vay		17.327.137.504
Mua hàng hóa và dịch vụ khác		67.111.900

**Các bên liên quan khác**

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia**

**Lai**

Thu nhập từ cổ tức	4.400.000.000
Góp vốn	-
Thanh lý tài sản cố định	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.159.541.613
Bán hàng hóa	6.114.285.600

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

<b>Cổ đông</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015</b>	
	<b>VND</b>	
Bán hàng hóa		755.500.391.181
Mua tài sản cố định		638.983.357
Mua hàng hóa		16.064.996
Cổ tức đã trả		200.460.000
Thu nhập từ cổ tức		116.648.000
Nhận ứng trước tiền mua hàng		110.000.000.000
Chi phí lãi từ khoản nhận ứng trước tiền mua hàng		2.467.482.348

**Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng**

**Giám đốc**

Tiền lương và thù lao	10.115.892.888
-----------------------	----------------

*d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN GIAI ĐOẠN 30/06/2015**

*(Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 30/06/2015).*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** 





**NGUYỄN THỊ HOA**



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	3703000188	ngày 2 tháng 3 năm 2006
<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	4200636590	ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 10 tháng 4 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
	Bà Trần Quốc Trang	Phó Chủ tịch (từ ngày 19 tháng 6 năm 2015)
	Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành Viên (từ ngày 14 tháng 9 năm 2015)
	Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Thành viên (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015)
	Ông Cáp Thành Dũng	Thành viên (từ ngày 11 tháng 11 năm 2014 đến ngày 15 tháng 5 năm 2015)
	Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Thành viên (đến ngày 11 tháng 11 năm 2014)
	Ông Bùi Văn Lang	Thành viên (từ ngày 21 tháng 10 năm 2014 đến ngày 7 tháng 5 năm 2015)
	Ông Phan Vũ Hùng	Thành viên (đến ngày 21 tháng 10 năm 2014)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 5 năm 2015)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng ban Kiểm soát
	Ông Lưu Mạnh Thức	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Thôn Phước Lâm Xã Ninh Xuân Thị xã Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Trần Kim Dũng  
Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2015



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Việt Nam  
Bảo vệ Kiểm toán số: 14-01-914  
CHI NHÁNH  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
**KPMG**  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH  
Hà Vũ Định  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2015

Nguyễn Cẩm Tú  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2193-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.074.231.413.202</b>	<b>1.110.021.558.423</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>383.065.213.383</b>	<b>22.460.781.583</b>
Tiền	111		36.065.213.383	22.460.781.583
Các khoản tương đương tiền	112		347.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>144.000.000.000</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>8</b>	<b>325.703.330.721</b>	<b>578.457.900.153</b>
Phải thu khách hàng	131		133.781.243.137	378.527.597.786
Trả trước cho người bán	132		127.142.297.367	186.904.350.071
Các khoản phải thu khác	135		64.940.093.940	14.493.167.390
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(160.303.723)	(1.467.215.094)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>328.756.605.612</b>	<b>356.250.329.801</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.706.263.486</b>	<b>8.852.546.886</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		278.962.151	1.384.028.916
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.379.519.138	-
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		6.281.343.843	721.178.400
Tài sản ngắn hạn khác	158		766.438.354	6.747.339.570
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 250 + 260 + 269)	<b>200</b>		<b>931.474.891.049</b>	<b>1.084.906.104.436</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>624.331.249.591</b>	<b>718.862.156.097</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	563.422.555.567	649.420.266.906
Nguyên giá	222		768.358.336.940	844.198.397.791
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.935.781.373)	(194.778.130.885)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	53.680.642.400	54.903.960.000
Nguyên giá	225		57.514.974.000	56.797.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.834.331.600)	(1.893.240.000)
Tài sản cố định vô hình	227	12	815.523.943	909.711.531
Nguyên giá	228		2.116.807.016	2.038.807.016
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.301.283.073)	(1.129.095.485)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	6.412.527.681	13.628.217.660
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>276.397.329.650</b>	<b>347.954.616.660</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		137.796.094.852	238.853.381.862
Đầu tư dài hạn khác	258		138.601.234.798	109.101.234.798

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.094.268.869</b>	<b>13.846.062.977</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	20.989.215.869	13.755.562.977
Tài sản dài hạn khác	268		7.105.053.000	90.500.000
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>16</b>	<b>2.652.042.939</b>	<b>4.243.268.702</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.005.706.304.251</b>	<b>2.194.927.662.859</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.029.722.881.659</b>	<b>1.189.462.156.385</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>898.735.408.249</b>	<b>998.354.637.937</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	778.666.274.553	772.672.822.036
Phải trả người bán	312	18	42.094.377.671	85.897.863.210
Người mua trả tiền trước	313		1.407.846.697	1.238.462.969
Thuế phải nộp Nhà nước	314	19	1.867.131.394	28.030.623.736
Phải trả người lao động	315		11.847.743.488	11.206.535.630
Chi phí phải trả	316	20	26.763.715.750	31.374.611.725
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	28.055.662.081	59.600.371.129
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	8.032.656.615	8.333.347.502
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>130.987.473.410</b>	<b>191.107.518.448</b>
Phải trả dài hạn khác	333		-	61.200.000
Vay và nợ dài hạn	334	23	123.516.575.211	183.962.620.249
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	24	7.470.898.199	7.083.698.199
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>974.036.429.521</b>	<b>959.264.914.046</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>974.036.429.521</b>	<b>959.264.914.046</b>
Vốn cổ phần	411	26	607.500.000.000	607.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	12.165.550.000	12.165.550.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		289.100.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		116.170.212.653	111.993.139.098
Quỹ dự phòng tài chính	418		22.454.528.292	18.371.956.237
Quỹ khác	419		-	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		215.457.038.576	210.851.197.718
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>27</b>	<b>1.946.993.071</b>	<b>46.200.592.428</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>2.005.706.304.251</b>	<b>2.194.927.662.859</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	13.132.455.737	209.345.880

Ngày 25 tháng 9 năm 2015.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên



Giám đốc

Trần Kim Dũng

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2015**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>1.313.510.662.545</b>	<b>906.521.483.560</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>28</b>	<b>3.265.462.193</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>1.310.245.200.352</b>	<b>906.521.483.560</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>1.113.089.395.944</b>	<b>720.762.015.693</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>197.155.804.408</b>	<b>185.759.467.867</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	49.780.417.084	24.532.117.816
Chi phí tài chính	22	31	159.119.922.804	35.332.220.524
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		62.971.431.098	34.847.082.756
Chi phí bán hàng	24		24.823.030.221	14.554.906.069
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.797.129.241	29.882.626.767
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>(1.803.860.774)</b>	<b>130.521.832.323</b>
Thu nhập khác	31	32	7.845.991.012	4.323.940.575
Chi phí khác	32	33	4.081.835.034	3.708.761.575
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.764.155.978</b>	<b>615.179.000</b>
<b>Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, sau khi trừ phân bổ lợi thế thương mại</b>	<b>41</b>	<b>14</b>	<b>10.173.584.723</b>	<b>22.158.341.823</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>12.133.879.927</b>	<b>153.295.353.146</b>
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>(4.656.374.902)</b>	<b>26.531.711.565</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>34</b>	<b>387.200.000</b>	<b>1.574.041.154</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>16.403.054.829</b>	<b>125.189.600.427</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>16.403.054.829</b>	<b>125.189.600.427</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông thiểu số	61	27	(3.992.132.163)	16.275.356.708
Chủ sở hữu của Công ty	62		20.395.186.992	108.914.243.719
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>336</b>	<b>1.793</b>

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên



Giám đốc

Trần Kim Dũng



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.133.879.927</b>	<b>153.295.353.146</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	73.682.906.700	35.549.040.948
Các khoản dự phòng	03	690.718.289	44.290.758
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05	(10.173.584.723)	(22.158.341.823)
Thu nhập lãi và cổ tức	05	(49.629.026.355)	(24.522.729.133)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	79.137.012	507.950.890
Lỗ từ thanh lý một công ty con	05	26.399.237.438	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	05	61.428.194.733	-
Chi phí lãi vay	06	62.971.431.098	34.847.082.756
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>177.582.894.119</b>	<b>177.562.647.542</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	218.194.624.962	(247.874.375.327)
Biến động hàng tồn kho	10	17.885.148.977	(264.450.080.046)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(14.685.682.776)	35.159.227.057
Biến động chi phí trả trước	12	(6.476.563.602)	(104.846.631)
		<b>392.500.421.680</b>	<b>(299.707.427.405)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(64.699.141.620)	(29.240.834.087)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(33.958.322.366)	(10.696.467.230)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	16.248.338.587	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.316.627.886)	(6.346.941.218)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>296.774.668.395</b>	<b>(345.991.669.940)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(94.695.656.545)	(116.940.161.637)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.324.203.636	671.250.000
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn	23		(29.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư cho vay	24		122.000.000.000	18.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.719.980.800)	(27.085.078.050)
Thanh lý công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con đã thanh lý	25	5	(25.175.232.726)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		59.902.677.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		53.457.578.187	29.887.377.724
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>66.093.588.752</b>	<b>(95.466.611.963)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.011.055.012.401	1.050.435.490.030
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.974.860.770.818)	(909.036.717.347)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(8.372.166.930)	-
Tiền chi trả cổ tức	36		(30.375.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.552.925.347)</b>	<b>141.398.772.683</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã	Thuyết	Từ 1/7/2014	Từ 1/1/2014
	số	minh	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		360.315.331.800	(300.059.509.220)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		22.460.781.583	322.520.290.803
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ			289.100.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	383.065.213.383	22.460.781.583

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên



Giám đốc

Trần Kim Dũng

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

## Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa - Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, các cổ đông đã thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu của Công ty. Trong đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa sẽ phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ hoán đổi 1:1. Kết quả là Công ty sẽ chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tại ngày lập báo cáo này, việc hoán đổi cổ phiếu này vẫn chưa hoàn tất.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 21 tháng 9 năm 2015, cổ phiếu của Công ty sẽ được hủy niêm yết từ ngày 28 tháng 10 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty trong Tập đoàn như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
<i>Các công ty con</i>				
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”)	Sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	100%

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”)	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	62,92%	62,92%
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) (a)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005.	-	51,68%
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company (“NHS PTE”)	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.	Giấy Chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 734/BKHĐT-DTRNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%	-
<i>Các công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Mía đường 333 (“Đường 333”) (b)	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006.	-	42,1%

## Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”)	Sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.	Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997.	22,56%	22,56%

- (a) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Đường Phan Rang với giá là 21.719.980.800 VND và tăng tỷ lệ sở hữu trong Đường Phan Rang thêm 35,86%.

Sau đó, Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Đường Phan Rang. Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015.

- (b) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 25 tháng 12 năm 2014 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Đường 333. Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 2 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 496 nhân viên (30/6/2014: 655 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán các năm tiếp theo là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Theo đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (kỳ 6 tháng) và không thể so sánh được với các số liệu kỳ hiện tại.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Các hoạt động ở ngoài nước**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/IN**

**(f) Trả trước cho người bán**

Trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2014, Tập đoàn điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình.

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn trước và sau khi điều chỉnh như sau:

	<b>Trước</b>	<b>Sau</b>
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 28 năm	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm	5 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm	3 – 10 năm

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong kỳ là đã làm tăng giá trị chi phí khấu hao 5 tỷ VND.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/II**

**(l) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất là từ 6 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(m) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhận các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

**(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(o) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**Dự phòng chi phí bảo trì trước mùa vụ**

Trong những năm tài chính trước, Tập đoàn trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này nằm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Tập đoàn không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Tập đoàn cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Tập đoàn đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

**(p) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

## **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

#### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(q) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(r) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(s) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(t) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

**(u) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu bán điện**

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(v) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(y) Các bên liên quan**

Các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5. Thanh lý một công ty con**

Việc thanh lý được mô tả trong Thuyết minh 1(a) có ảnh hưởng tới bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm thanh lý VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.175.232.726
Các khoản phải thu	64.387.950.491
Hàng tồn kho	9.608.575.212
Tài sản ngắn hạn khác	171.434.151
Tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang)	89.108.568.855
Tài sản dài hạn khác	369.977.475
Nợ phải trả ngắn hạn	(74.212.170.405)
Vay và nợ dài hạn	(31.451.067.174)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(10.490.375.893)
	<hr/>
Tổng chi phí thanh lý	73.668.125.438
	<hr/>
Lỗ từ việc thanh lý	(26.399.237.438)
	<hr/>
Tổng giá trị thanh lý	47.268.888.000
Trừ: số dư tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con đã thanh lý	(26.175.232.726)
Trừ: giá trị thanh lý còn phải thu	(46.268.888.000)
	<hr/>
Tiền thuần từ việc thanh lý, đã trừ đi số dư tiền của công ty con đã thanh lý	(25.175.232.726)
	<hr/> <hr/>

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>30/6/2014 VND</b>
Tiền mặt	207.054.407	328.561.978
Tiền gửi ngân hàng	35.858.158.976	22.132.219.605
Các khoản tương đương tiền	347.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	383.065.213.383	22.460.781.583
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho một bên liên quan vay	-	105.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho bên thứ ba vay	-	17.000.000.000
	2.000.000.000	144.000.000.000

(\*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 7% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 7% một năm).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 2 tỷ VND (30/6/2014: 22 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**8. Các khoản phải thu**

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>		
Thương mại	90.689.166.931	297.242.853.270
Phi thương mại	1.703.034.722	3.758.650.443

Khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 80.314 triệu VND (30/6/2014: 157.027 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không có đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân, và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 10% trong kỳ. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Tập đoàn sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng từ 20% đến 35% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 98 tỷ VND (30/6/2014: 107 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, không có khoản trả trước cho người bán được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (30/6/2014: 72 tỷ VND).

Trong kỳ, Tập đoàn đã cần trừ tổng cộng 427.989 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 352.728 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (a) Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (b)	-	5.679.720.000
Phải thu từ thanh lý cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang	46.268.888.000	-
Phải thu từ thanh lý cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (c)	5.000.000.000	-
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	1.306.250.000	1.828.750.000
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Khu công nghiệp Đặng Huỳnh vay	1.368.263.889	-
Lãi phải thu ngân hàng	345.772.221	-
Lãi phải thu do thanh toán chậm	586.854.166	1.590.608.776
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay	843.388.890	982.222.222
Phải thu khác	9.220.676.774	1.326.788.342
	<hr/>	<hr/>
	64.940.093.940	14.493.167.390

- (a) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HĐTC-DNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 Đô la Mỹ. Khoản này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Tập đoàn trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Trong kỳ, Tập đoàn đã thu lại khoản trả thay này.
- (b) Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn đã đặt cọc mua 1.123.890 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang, một công ty con, từ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Trong kỳ, Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận cổ phiếu và thực hiện việc mua các cổ phiếu này.
- (c) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (“Sơn Tín”). Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015. Khoản này thể hiện số tiền phải thu từ việc thanh lý cổ phiếu của Sơn Tín.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**9. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	16.873.034.576	12.826.967.735
Công cụ và dụng cụ	35.644.250	354.817.154
Sản phẩm dở dang	5.250.723.533	3.976.910.637
Thành phẩm	294.128.926.187	322.899.553.128
Hàng hóa	12.468.277.066	16.192.081.147
	<hr/>	<hr/>
	328.756.605.612	356.250.329.801
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 324.181 triệu VND (30/6/2014: 352.487 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyên VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	76.856.178.903	739.409.164.445	24.010.084.620	3.922.969.823	844.198.397.791
Tăng trong kỳ	5.292.153.327	4.758.051.658	1.128.125.455	727.900.000	11.906.230.440
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	19.322.124.675	41.810.720.071	799.090.909	-	61.931.935.655
Thanh lý	-	(1.409.361.989)	(933.642.365)	-	(2.343.004.354)
Xóa sổ	(313.200.000)	(712.075.691)	-	-	(1.025.275.691)
Giảm do thanh lý một công ty con	(20.732.985.571)	(108.670.832.524)	(14.572.926.632)	(2.333.202.174)	(146.309.946.901)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>80.424.271.334</b>	<b>675.185.665.970</b>	<b>10.430.731.987</b>	<b>2.317.667.649</b>	<b>768.358.336.940</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	22.996.556.675	160.172.338.431	10.083.829.673	1.525.406.106	194.778.130.885
Khấu hao trong kỳ	7.354.166.898	59.461.387.733	2.532.485.083	630.362.035	69.978.401.749
Thanh lý	-	(798.226.874)	(695.893.032)	-	(1.494.119.906)
Xóa sổ	(310.590.000)	(682.729.491)	-	-	(993.319.491)
Giảm do thanh lý một công ty con	(5.218.612.774)	(42.608.371.809)	(8.359.110.976)	(1.147.216.305)	(57.333.311.864)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>24.821.520.799</b>	<b>175.544.397.990</b>	<b>3.561.310.748</b>	<b>1.008.551.836</b>	<b>204.935.781.373</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	53.859.622.228	579.236.826.014	13.926.254.947	2.397.563.717	649.420.266.906
Số dư cuối kỳ	55.602.750.535	499.641.267.980	6.869.421.239	1.309.115.813	563.422.555.567

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 9.928 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (30/6/2014: 25.875 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 180.098 triệu VND (30/6/2014: 399.806 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	56.797.200.000
Tăng trong kỳ	717.774.000
	<hr/>
<i>Số dư cuối kỳ</i>	57.514.974.000
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.893.240.000
Khấu hao trong kỳ	1.941.091.600
	<hr/>
<i>Số dư cuối kỳ</i>	3.834.331.600
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	54.903.960.000
Số dư cuối kỳ	53.680.642.400
	<hr/>

Tập đoàn thuê một thiết bị sản xuất theo một hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối giai đoạn thuê của hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 23(b)).

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.459.727.082	579.079.934	2.038.807.016
Tăng trong kỳ	-	78.000.000	78.000.000
Số dư cuối kỳ	1.459.727.082	657.079.934	2.116.807.016
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	808.831.781	320.263.704	1.129.095.485
Khấu hao trong kỳ	32.969.280	139.218.308	172.187.588
Số dư cuối kỳ	841.801.061	459.482.012	1.301.283.073
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	650.895.301	258.816.230	909.711.531
Số dư cuối kỳ	617.926.021	197.597.922	815.523.943

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 577 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (30/6/2014: 577 triệu đồng), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	13.628.217.660	250.275.077.058
Tăng trong kỳ	54.848.179.494	99.693.598.417
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(61.931.935.655)	(336.340.457.815)
Giảm do thanh lý một công ty con	(131.933.818)	-
Số dư cuối kỳ	6.412.527.681	13.628.217.660

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 2.670 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2015			30/6/2014		
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:</b>			VND			VND
▪ Công ty Cổ phần Mía đường 333	-	-	-	3.508.981	42,1%	42,1%
▪ Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai	8.800.000	22,56%	137.796.094.852	8.800.000	22,56%	22,56%
			<u>137.796.094.852</u>			<u>238.853.381.862</u>
<b>Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:</b>						
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	8.050.000	13,39%	84.000.000.000	8.050.000	13,39%	13,39%
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	116.648	0,2%	1.401.234.798	116.648	0,2%	0,2%
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tim (a)	-	-	-	1.500.000	10%	10%
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	420.000	14%	4.200.000.000	420.000	14%	14%
			<u>89.601.234.798</u>			<u>109.101.234.798</u>
<b>Đầu tư dài hạn khác:</b>						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (b)			49.000.000.000			-
			<u>138.601.234.798</u>			<u>109.101.234.798</u>
			<u>276.397.329.650</u>			<u>347.954.616.660</u>



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

- (a) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín. Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý này trong tháng 6 năm 2015.
- (b) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày gửi tiền. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND và hưởng lãi suất năm là 6,75% trong kỳ.

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	238.853.381.862	192.695.040.039
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	24.000.000.000
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	13.851.387.022	23.997.242.973
Phân bổ lợi thế thương mại	(3.677.802.299)	(1.838.901.150)
Cổ tức đã nhận	(4.400.000.000)	-
Thanh lý	(106.830.871.733)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>137.796.094.852</b>	<b>238.853.381.862</b>

Biến động các khoản đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	109.101.234.798	109.101.234.798
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	49.000.000.000	-
Thanh lý	(19.500.000.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>138.601.234.798</b>	<b>109.101.234.798</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị ghi sổ là 271 tỷ VND (30/6/2014: 263 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.389.672.100	4.365.890.877	13.755.562.977
Tăng trong kỳ	4.278.008.000	9.205.124.662	13.483.132.662
Phân bổ trong kỳ	(489.846.025)	(5.433.915.816)	(5.923.761.841)
Giảm do thanh lý một công ty con	-	(325.717.929)	(325.717.929)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.177.834.075</b>	<b>7.811.381.794</b>	<b>20.989.215.869</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 7.383 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**16. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.956.128.816
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	3.712.860.114
Phân bổ trong kỳ	1.591.225.763
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.304.085.877</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	4.243.268.702
Số dư cuối kỳ	2.652.042.939

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay ngắn hạn	732.943.152.423	733.795.321.740
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	45.723.122.130	38.877.500.296
	778.666.274.553	772.672.822.036

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Ngân hàng TNHH MTV IISBC Việt Nam (a)	VND	4,3% - 6,6%	70.000.000.000	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (b)	VND	5,5% - 6,5%	112.053.014.889	77.557.681.782
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (c)	VND	5,4% - 6,8%	144.247.530.960	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (d)	VND	3,5% - 6,2%	182.377.129.274	199.707.561.249
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (e)	VND	4,0% - 4,5%	99.987.758.049	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (f)	VND	5,4% - 6,7%	28.777.719.251	98.977.820.885
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (g)	VND	5,3% - 6,3%	74.000.000.000	36.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VND	5,3% - 6,5%	21.500.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Ninh Thuận	VND	7%	-	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Ninh Thuận	VND	6,5%	-	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông – chi nhánh Đắk Lắk	VND	7,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	7,9%	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	6,5%	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	VND	7,5%	-	10.900.000.000
			732.943.152.423	733.795.321.740

## Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 6.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 6.000.000 Đô la Mỹ (30/6/2014: 6.000.000 Đô la Mỹ), hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 16 tỷ VND (30/6/2014: 53 tỷ VND) và các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 54 tỷ VND (30/6/2014: 85 tỷ VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 138 tỷ VND (30/6/2014: 48 tỷ VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 5.049 triệu VND (30/6/2014: 5.996 triệu VND), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND (30/6/2014: 84 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị là 2 tỷ VND (30/6/2014: 2 tỷ VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 126 tỷ VND (30/6/2014: 136 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam với giá trị là 49 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 100 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan, và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 29 tỷ VND (30/6/2014: không).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 53 tỷ VND (30/6/2014: 53 tỷ VND) và các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (30/6/2014: 21 tỷ VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (30/6/2014: không).

## 18. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải trả các bên liên quan	2.524.049.069	308.906.925

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**19. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.691.040.194	5.033.097.792
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.704.627.826
Thuế thu nhập cá nhân	16.750.000	86.801.598
Các loại thuế khác	159.341.200	206.096.520
	<b>1.867.131.394</b>	<b>28.030.623.736</b>

**20. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bổ sung cuối vụ cho nông dân trồng mía	19.524.231.742	19.741.466.580
Chi phí lãi vay	4.731.136.280	6.458.846.802
Chi phí vận chuyển	1.100.798.018	1.771.616.818
Phí tư vấn	251.111.112	1.053.725.416
Chi phí khác	1.156.438.598	2.348.956.109
	<b>26.763.715.750</b>	<b>31.374.611.725</b>

**21. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả cho nông dân trồng mía	3.973.545.925	4.329.806.688
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	33.222.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	378.200.000	294.200.000
Phải trả khác	855.919.356	1.753.367.641
	<b>28.055.662.081</b>	<b>59.600.371.129</b>

(\*) Tập đoàn nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2015. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8% trong kỳ và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng tính từ ngày nhận khoản ứng trước.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	8.333.347.502	8.950.155.593
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	12.746.366.129	6.545.222.206
Trích lập từ lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ	1.623.014.389	-
Phân loại lại từ các khoản phải trả, phải nộp khác	1.109.044.441	-
Hoàn nhập trong kỳ	(500.000.000)	(815.089.079)
Sử dụng trong kỳ	(11.959.794.886)	(6.346.941.218)
Giảm do thanh lý một công ty con	(3.319.320.960)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.032.656.615	8.333.347.502

**23. Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>30/6/2014 VND</b>
Vay dài hạn	121.390.604.269	169.676.860.543
Nợ thuê tài chính	47.849.093.072	53.163.260.002
	<hr/>	<hr/>
	169.239.697.341	222.840.120.545
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17)	(45.723.122.130)	(38.877.500.296)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	123.516.575.211	183.962.620.249

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Khoản vay 1 (a)	VND	7,1% - 9%	2018	121.390.604.269	130.070.645.807
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	10%	2017	-	6.414.996.136
Khoản vay 2	VND	10%	2018	-	26.162.500.000
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	10%	2018	-	7.028.718.600
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (b)	VND	10%	2020	44.791.093.072	53.163.260.002
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Quốc Tế					
Khoản vay 1 (c)	VND	8,5%	2018	3.058.000.000	-
				<b>169.239.697.341</b>	<b>222.840.120.545</b>

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại thị xã Ninh Hòa, được ghi nhận trong tài khoản chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 7.383 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) và công trình trên đất, được ghi nhận trong tài khoản tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.027 triệu VND (30/6/2014: 5.689 triệu VND). Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 170 tỷ VND (30/6/2014: 301 tỷ VND).
- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ.
- (c) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 6 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính này vẫn chưa lấp đặt xong.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>30/6/2015</b>	
		<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
		<b>VND</b>	
Trong vòng một năm	14.851.621.872	4.168.998.857	10.682.623.015
Trong vòng hai đến năm năm	45.231.077.119	8.064.607.062	37.166.470.057
Sau năm năm	53.012.096	53.012.096	-
	60.135.711.087	12.286.618.015	47.849.093.072
		<b>30/6/2014</b>	
		<b>VND</b>	
		<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	13.608.468.968	5.236.302.038	8.372.166.930
Trong vòng hai đến năm năm	45.360.458.565	11.871.790.845	33.488.667.720
Sau năm năm	12.047.490.068	745.064.716	11.302.425.352
	71.016.417.601	17.853.157.599	53.163.260.002

**24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.470.898.199	7.083.698.199



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	607.500.000.000	12.132.550.000	-	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895
Tặng khác	-	33.000.000	-	-	-	-	-	33.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	108.914.243.719	108.914.243.719
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	815.089.079	815.089.079
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	-	(5.545.222.206)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.545.222.206)	(6.545.222.206)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(1.109.044.441)	(1.109.044.441)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	607.500.000.000	12.165.550.000	-	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014</b>	607.500.000.000	12.165.550.000	-	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	210.851.197.718	959.264.914.046
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	20.395.186.992	20.395.186.992
Ảnh hưởng của việc tăng khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	6.428.096.112	-	6.428.096.112
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.952.835.500	5.064.954.528	-	(11.017.790.028)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(12.746.366.129)	(12.746.366.129)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(94.501.500)	-	-	(94.501.500)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b))	-	-	289.100.000	-	-	-	-	289.100.000
Giảm do thanh lý một công ty con	-	-	-	(1.775.761.945)	(887.880.973)	(4.811.167.105)	7.474.810.023	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	607.500.000.000	12.165.550.000	289.100.000	116.170.212.655	22.454.528.292	-	215.457.038.576	974.036.429.521

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	12.165.550.000	12.132.550.000
Tăng khác	-	33.000.000
Số dư cuối kỳ	12.165.550.000	12.165.550.000

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**27. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	46.200.592.428	29.925.235.720
(Lỗ)/lãi thuần trong kỳ	(3.992.132.163)	16.275.356.708
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1.623.014.389)	-
Ảnh hưởng của việc suy giảm lợi ích cổ đông thiểu số	(28.148.076.912)	-
Giảm do thanh lý một công ty con	(10.490.375.893)	-
Số dư cuối kỳ	1.946.993.071	46.200.592.428

**28. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	1.075.514.541.371	716.629.943.954
▪ Mật	71.720.680.819	68.483.306.174
▪ Mía giống	3.438.018.186	1.182.389.705
▪ Điện	46.823.695.111	25.682.811.459
▪ Bùn, tro, bã	12.534.821.242	10.154.739.866
▪ Phân bón	91.423.109.406	75.364.234.509
▪ Thuốc trừ sâu	5.318.925.570	5.432.762.136
▪ Khác	6.736.870.840	3.591.295.757
	1.313.510.662.545	906.521.483.560
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(833.219.316)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.432.242.877)	-
	(3.265.462.193)	-
Doanh thu thuần	1.310.245.200.352	906.521.483.560

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****29. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	897.362.097.866	543.377.324.558
▪ Mật	71.720.680.819	68.483.306.174
▪ Mía giống	5.304.301.839	2.354.097.252
▪ Điện	28.775.888.904	18.265.793.818
▪ Bùn, tro, bã	10.136.724.523	7.191.607.294
▪ Phân bón	86.965.739.473	72.555.758.611
▪ Thuốc trừ sâu	5.055.683.370	4.972.601.207
▪ Khác	7.768.279.150	3.561.526.779
	<b>1.113.089.395.944</b>	<b>720.762.015.693</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	12.267.624.687	3.176.814.411
Thu nhập cổ tức	116.648.000	-
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	2.857.186.217	2.623.062.659
Lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	17.327.137.504	2.126.416.666
Lãi từ các khoản cho các công ty khác vay	7.165.614.920	9.462.104.302
Lãi do thanh toán chậm	7.844.360.227	5.972.971.373
Lãi từ khoản ứng trước để mua hàng hóa	2.050.454.800	907.309.499
Lãi từ thu nhập cổ tức	-	254.050.223
Doanh thu hoạt động tài chính khác	151.390.729	9.388.683
	<b>49.780.417.084</b>	<b>24.532.117.816</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**31. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Chi phí lãi vay	62.971.431.098	34.847.082.756
Lỗ từ thanh lý một công ty con (Thuyết minh 5)	26.399.237.438	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	61.428.194.733	-
Chi phí môi giới	6.018.169.541	-
Chi phí tài chính khác	2.302.889.994	485.137.768
	<b>159.119.922.804</b>	<b>35.332.220.524</b>

**32. Thu nhập khác**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	801.703.636	2.500.000.000
Thu nhập từ bán mía giống	1.106.190.687	382.895.000
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	2.914.306.068	55.170.000
Thu nhập khác	3.023.790.621	1.385.875.575
	<b>7.845.991.012</b>	<b>4.323.940.575</b>

**33. Chi phí khác**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	880.840.648	3.007.950.890
Giá vốn của vật tư thanh lý	444.442.560	119.406.484
Chi phí trồng mía giống	1.112.352.025	223.232.039
Chi phí khác	1.644.199.801	358.172.162
	<b>4.081.835.034</b>	<b>3.708.761.575</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	12.276.550.581	26.531.711.565
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(16.932.925.483)	-
	<b>(4.656.374.902)</b>	<b>26.531.711.565</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập và phát sinh các chênh lệch tạm thời	387.200.000	1.574.041.154
	<b>(4.269.174.902)</b>	<b>28.105.752.719</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	12.133.879.927	153.295.353.146
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.426.775.985	33.724.977.692
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.851.425.959	2.323.745.940
Thu nhập không bị tính thuế	(5.225.986.263)	(7.942.970.913)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(16.932.925.483)	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	611.534.900	-
	<b>(4.269.174.902)</b>	<b>28.105.752.719</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**(ii) Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung và Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang**

Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung và Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**(iii) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa**

Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”) có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn hoạt động của Công ty tới năm 2028 và 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Nhiệt điện Ninh Hòa được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**(iv) Ninh Hoa Sugar Private Limited Company**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định phù hợp với các hướng dẫn và quy định có liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp tại Singapore.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 20.395.186.992 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 108.914.243.719 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.750.000 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 60.750.000), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	20.395.186.992	108.914.243.719
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	20.395.186.992	108.914.243.719

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 Số cổ phiếu</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Số cổ phiếu</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	60.750.000	60.750.000

**36. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Phần thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía và tiền gửi ngân hàng.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	382.858.158.976	22.132.219.605
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	2.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho một bên liên quan vay	-	105.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho bên thứ ba vay	-	17.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác (iii)	198.721.337.077	392.939.827.542
Trả trước cho người bán (iv)	80.154.529.251	155.640.543.078
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	49.000.000.000	-
	<hr/> 712.734.025.304	<hr/> 714.712.590.225

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(iii) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích hợp nhất về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trong hạn	94.831.770.480	43.997.125.882
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	58.850.207.643	122.513.776.378
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	45.039.358.954	226.422.829.096
Quá hạn trên 180 ngày	-	6.096.186
	<hr/>	<hr/>
	198.721.337.077	392.939.827.542

**(iv) Trả trước cho người bán**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng hộ nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ hộ nông dân được phân tích hợp nhất về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho hộ nông dân đó. Hơn nữa, hộ nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Hộ nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong hạn	79.835.764.064	153.996.586.454
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	318.765.187	545.310.245
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	84.497.500
Quá hạn trên 180 ngày	-	1.014.148.879
	<b>80.154.529.251</b>	<b>155.640.543.078</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Từ 1/7/2014</b>	<b>Từ 1/1/2014</b>
	<b>đến 30/6/2015</b>	<b>đến 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.467.215.094	1.422.924.336
Tăng dự phòng trong kỳ	882.045.071	44.290.758
Hoàn nhập	(191.326.782)	-
Giảm do thanh lý một công ty con	(1.997.629.660)	-
Số dư cuối kỳ	<b>160.303.723</b>	<b>1.467.215.094</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	732.943.152.423	741.730.810.253	741.730.810.253	-	-	-
Phải trả người bán	42.094.377.671	42.094.377.671	42.094.377.671	-	-	-
Phải trả người lao động	11.847.743.488	11.847.743.488	11.847.743.488	-	-	-
Chi phí phải trả	26.763.715.750	26.763.715.750	26.763.715.750	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nợ khác	28.055.662.081	28.055.662.081	28.055.662.081	-	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn	169.239.697.341	197.045.419.356	60.429.389.520	51.808.466.209	84.754.551.531	53.012.096
	1.010.944.348.754	1.047.537.728.599	910.921.698.763	51.808.466.209	84.754.551.531	53.012.096

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	733.795.321.740	744.732.155.101	744.732.155.101	-	-	-
Phải trả người bán	85.897.863.210	85.897.863.210	85.897.863.210	-	-	-
Phải trả người lao động	11.206.535.630	11.206.535.630	11.206.535.630	-	-	-
Chi phí phải trả	31.374.611.725	31.374.611.725	31.374.611.725	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.600.371.129	59.600.371.129	59.600.371.129	-	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn	222.840.120.545	279.127.627.956	66.671.538.360	65.582.890.867	134.825.708.661	12.047.490.068
	1.144.714.823.979	1.211.939.164.751	999.483.075.155	65.582.890.867	134.825.708.661	12.047.490.068

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	347.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	144.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	49.000.000.000	-
Trả trước cho người bán	80.154.529.251	155.640.543.078
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	458.154.529.251	279.640.543.078
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	35.858.158.976	22.132.219.605
Phải thu khách hàng	21.383.945.250	297.242.853.270
Vay ngắn hạn	(732.943.152.423)	(733.795.321.740)
Vay và nợ dài hạn	(169.239.697.341)	(222,840,120,545)
	<hr/>	<hr/>
	(844.940.745.538)	(637.260.369.410)
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 6,76 tỷ VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (30/6/2014: 4,97 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	383.065.213.383	22.460.781.583
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	144.000.000.000
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	49.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	198.721.337.077	392.939.827.542
- Trả trước cho người bán	80.154.529.251	155.640.543.078
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	89.601.234.798	109.101.234.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	70.150.039.752	145.498.234.339
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	38.611.459.238	42.581.147.355
- Các khoản vay và nợ	902.182.849.764	956.635.442.285

*Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, trả trước cho người bán, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác*

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

*Vay và nợ dài hạn và các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu*

Thuyết minh	30/6/2015		30/6/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (i)	1.401.234.798	1.563.083.200	1.401.234.798	1.399.776.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (ii)	84.000.000.000		84.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (ii)	-		19.500.000.000	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (ii)	4.200.000.000		4.200.000.000	
	<b>89.601.234.798</b>	<b>1.563.083.200</b>	<b>109.101.234.798</b>	<b>1.399.776.000</b>

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên thị trường. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**37. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Cổ tức phải trả	-	30.375.000.000
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	25.488.584.520	14.770.694.808
Tăng tài sản cố định chuyển từ tài khoản trả trước cho người bán	1.264.000.000	30.366.707.350
Thanh lý tài sản cố định nhưng chưa thu được	1.306.250.000	1.828.750.000
Thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn nhưng chưa thu được	51.268.888.000	-

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</b>		
Bán hàng hóa	159.386.990.708	396.691.147.091
Mua tài sản cố định	-	151.191.000
Thanh lý tài sản cố định	-	1.900.000.000
Phí dịch vụ tư vấn	10.423.662.756	497.000.000
Lãi do thanh toán chậm	2.993.580.130	5.904.546.373
Cho vay ngắn hạn	316.000.000.000	179.113.187.111
Thu nhập lãi vay	17.327.137.504	2.126.416.666
Mua hàng hóa và dịch vụ khác	67.111.900	297.434.114
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai</b>		
Thu nhập từ cổ tức	4.400.000.000	-
Góp vốn	-	24.000.000.000
Thanh lý tài sản cố định	-	600.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.159.541.613	-
Bán hàng hóa	6.114.285.600	-
<b>Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa</b>		
Bán hàng hóa	755.500.391.181	286.682.379.839
Mua tài sản cố định	638.983.357	256.142.217
Mua hàng hóa	16.064.996	-
Cổ tức đã trả	200.460.000	-
Thu nhập từ cổ tức	116.648.000	-
Nhận ứng trước tiền mua hàng	10.000.000.000	274.000.000.000
Chi phí lãi từ khoản nhận ứng trước tiền mua hàng	2.467.482.348	4.201.429.452
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thù lao	10.115.892.888	7.137.815.080

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**39. Cam kết vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	47.772.607.980	60.785.973.020

**40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	942.542.310.630	810.392.041.279
Chi phí nhân công	83.525.325.776	45.292.177.679
Chi phí khấu hao và phân bổ	73.682.906.700	35.549.040.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.957.065.559	19.530.852.003
Chi phí khác	68.999.222.923	21.276.390.957

Ngày 25 tháng 9 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên



Giám đốc

Trầm Kim Dũng

